TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 9 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Định và ông Nguyễn Hải Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - N sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989.

Đăng ký thường trú: Thôn V, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là thôn V, xã N, tỉnh Ninh Bình).

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là thôn P, xã L, tỉnh Ninh Bình).

2. Bị đơn: Anh Lê Tiến K, sinh năm 1992.

Đăng ký thường trú: Thôn V, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là thôn V, xã N, tỉnh Ninh Bình).

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Trại giam T1 (đội 3, phân trại 5), trụ sở: T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là T, xã N, tỉnh Thanh Hóa).

Phiên toà có mặt: Chị L; anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Tiến K quen biết, tìm hiểu, yêu nhau và được bố mẹ hai bên gia đình cho tổ chức đám cưới vào ngày

02/9/2010 nhưng do anh K chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên vợ chồng chị chung sống và sinh được 01 con chung là cháu Lê Thị Huyền T, sinh ngày 26/7/2011, đến ngày 09/3/2012 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là UBND xã N, tỉnh Ninh Bình). Chị L và anh K chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh nhiều va chạm, mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K nghiện ma túy. Anh K làm bánh mỳ thuê trên Hà Nội, có tiền lương nhưng làm đến đâu chi tiêu riêng hết đến đấy, không trách nhiệm kinh tế với vợ con. Đến năm 2014, chị L nhiều lần bắt gặp anh K sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà. Chị L và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, động viên anh K đi cai nghiện nhưng anh K không chịu đi cai nghiện. Ngày càng lấn sâu vào con đường nghiện ma túy. Tài sản chung của vợ chồng như xe máy, các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình như bếp ga, bình ga…, thậm chí xe đạp đi học của con anh K đều mang đi bán để mua ma túy sử dụng. Mỗi lần không có tiền mua ma túy là anh K lại gây mâu thuẫn, đánh chửi chị L. Chị L cũng đã cho anh K nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh K không chịu thay đổi. Năm 2022, anh K bị Công an bắt và bị Tòa án nhân dân trên thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù giam về tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" và phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam N ở B, K, Hà Nam. Sau khi chấp hành án xong, năm 2024 anh K trở về địa phương được hơn 01 tháng, lại bị bắt, bị Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Ninh Bình) xử phạt 42 tháng tù giam về tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" và phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam T1 ở thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa. Chị L và anh K đã chính thức sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K không còn, nên chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn anh K.

Anh Lê Tiến K có bản tự khai trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn ngày 02/9/2009 tại xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Việc đăng ký kết hôn là hai bên hoàn toàn tự nguyện. Lý do vợ chồng anh ly hôn, là vì từ năm 2018 trong quá trình chung sống vợ chồng anh hay cãi nhau.

- Về con chung: Chị L và anh K cùng xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Thị Huyền T, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2011; cháu Lê Hà V, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2015 và cháu Lê Việt C, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2018, đều do chị L đang nuôi dưỡng, chăm sóc. Nếu vợ chồng ly hôn, chị L và anh K cùng thống nhất để chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho cả 03 cháu T, V và C. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

Ba cháu Lê Thị Huyền T, Lê Hà V và Lê Việt C đều đề nghị xin được tiếp tục ở với mẹ là chị Nguyễn Thị L.

- Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Lê Tiến K và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho cả 03

cháu Lê Thị Huyền T, Lê Hà V và Lê Việt C; các vấn đề khác chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Ninh Bình có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật; việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Chị L và anh K đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Tiến K. Về con chung, đề nghị giao cả 03 cháu Lê Thị Huyền T, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2011; Lê Hà V, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2015 và Lê Việt C, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2018 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L. Các vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị L cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Anh Lê Tiến K có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Tiến K là hợp pháp, được UBND xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là UBND xã N, tỉnh Ninh Bình) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 09/3/2012. Quá trình chung sống, chị L và anh K xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L là do anh K nghiện ma túy, phá tán tài sản chung của vợ chồng. Mỗi lần không có tiền mua ma túy là anh K lại gây mâu thuẫn, đánh chửi chị L. Chị L và anh K đã chính thức sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị L có đơn khởi kiện ly hôn, anh K không thể hiện rõ quan điểm cụ thể nhưng anh cũng thừa nhận lý do vợ chồng anh ly hôn vì từ năm 2018 cho đến nay, vợ chồng anh hay

cãi nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cả 03 cháu Lê Thị Huyền T, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2011; Lê Hà V, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2015 và Lê Việt C, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2018, đều do chị L đang nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống của các cháu được đảm bảo. Nay chị L và anh K cùng thỏa thuận, thống nhất để chị L được quyền tiếp tục nuôi cả 03 cháu T, V và C. Xét thấy thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của 03 cháu T, V và C, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Những vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Tiến K.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thị Huyền T, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2011; cháu Lê Hà V, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2015 và cháu Lê Việt C, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2018, cho đến khi các cháu T, V và C đủ 18 tuổi. Anh Lê Tiến K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành

viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0001947 ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

***4**. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 6 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Nam Xang;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Đinh Thành Nam